

Số: 40/QĐ-ĐHSPKTVL-KT

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi và cấp chứng nhận
Tiếng Anh tương đương trình độ A1, A2, B1, B2

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 19/02/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 13/3/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành Quy định tổ chức thi và cấp chứng nhận tiếng Anh tương đương cấp độ A1, A2, B1 và B2;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 22/02/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng thi và các Ban giúp việc cho Hội đồng thi Kỳ thi Tiếng Anh cấp chứng nhận tương đương các trình độ A1, A2, B1, B2 - Lần 26 năm 2024;

Căn cứ Kết quả kỳ thi Tiếng Anh cấp chứng nhận tương đương trình độ A1, A2, B1, B2 - Lần 26 năm 2024; Căn cứ Danh sách đề nghị công nhận cấp chứng nhận tương đương trình độ A1, A2, B1, B2 - Lần 26 năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả thi và cấp chứng nhận Tiếng Anh tương đương trình độ A1, A2, B1, B2 - Lần 26 năm 2024 cho thí sinh đủ điều kiện được tổ chức thi ngày 24-25/02/2024 (có danh sách kèm theo).

TT	Trình độ Tiếng anh	Số lượng	Ghi chú
1	Tiếng Anh tương đương trình độ A1	16	
2	Tiếng Anh tương đương trình độ A2	95	
3	Tiếng Anh tương đương trình độ B1	20	
4	Tiếng Anh tương đương trình độ B2	01	
Tổng cộng		132	

Điều 2. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: P.KT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A1

(Kèm theo quyết định số: 40/QĐ-ĐHSPKT-KT ngày 29 tháng 02 năm 2024)

TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
1	19001070	Nguyễn Thái Hùng	06/08/2000	5.5	5.0	3.5	3.0	4.5
2	19001241	Trương Võ Thành An	8/10/2001	5.0	5.0	4.5	4.0	4.5
3	19001338	Dương Tuấn Kiệt	3/12/2001	6.5	3.0	4.0	3.0	4.0
4	19003043	Phạm Gia Khiêm	15/01/2001	3.5	4.0	4.5	4.5	4.0
5	19005064	Nguyễn Kim Ngân	26/06/2001	6.5	3.5	5.5	3.0	4.5
6	19005102	Võ Anh Phụng	25/03/2001	4.5	5.0	4.0	3.5	4.5
7	20001405	Phạm Hữu Đăng	09/02/2002	3.0	5.5	4.5	5.5	4.5
8	20017015	Nguyễn Ngọc Ánh	16/07/2002	5.5	4.0	4.0	3.5	4.5
9	20017062	Trương Tuấn Huy	30/03/2002	5.0	5.5	3.5	4.5	4.5
10	20017078	Nguyễn Thúy Liễu	26/06/2002	3.5	5.0	3.0	6.5	4.5
11	20017117	Đoàn Thị Hồng Nhi	26/07/2002	5.0	4.0	4.5	5.0	4.5
12	20017130	Đặng Ngọc Như	18/01/2002	4.0	3.0	5.5	5.0	4.5
13	20017176	Võ Thị Anh Thư	19/09/2002	4.5	3.5	3.5	3.0	3.5
14	21005140	Trần Thị Kim Xuyên	20/10/2003	5.0	6.5	3.5	3.0	4.5
15	18001239	Nguyễn Tuấn Chiêu	29/04/2000	5.0	3.0	4.5	3.0	4.0
16	19001362	Mai Văn Minh	27/06/2001	4.0	4.5	4.5	3.5	4.0

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2**

(Kèm theo quyết định số: 40/QĐ-ĐHSPKT-KT ngày 29 tháng 02 năm 2024)

TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
1	17008003	Võ Bình An	15/11/1999	7.0	6.5	5.5	4.5	6.0
2	17010032	Trần Vũ Bảo Giang	03/6/1999	6.5	6.0	3.5	4.5	5.0
3	18001093	Nguyễn Võ Duy Khang	03/5/2000	5.5	7.0	6.5	5.5	6.0
4	18002007	Nguyễn Dương	01/05/2000	3.0	7.0	4.5	5.5	5.0
5	18004223	Phạm Trọng Tài	03/06/2000	7.0	6.5	5.0	7.0	6.5
6	18006005	Trần Trọng Bằng	08/11/2000	3.5	6.5	6.0	3.5	5.0
7	19001027	Nguyễn Hải Đăng	07/04/2001	6.5	3.0	7.5	4.5	5.5
8	19001089	Trần Văn Khôi	26/06/2001	7.0	3.0	5.5	4.5	5.0
9	19001101	Nguyễn Đức Lộc	27/10/2001	6.5	4.0	3.5	5.5	5.0
10	19001113	Hà Thị Tuyết Ngân	27/11/2001	7.0	4.5	4.5	3.0	5.0
11	19001168	Lê Minh Sang	05/10/2001	4.5	4.0	6.5	7.5	5.5
12	19001236	Lý Hải Vương	21/09/2001	5.5	8.0	6.5	5.0	6.5
13	19001281	Nguyễn Đức Anh Duy	20/08/2001	7.5	3.0	5.5	6.5	5.5
14	19001296	Nguyễn Trung Hiếu	18/08/2001	8.0	6.5	6.5	5.0	6.5
15	19001377	Trương Đắc Nguyễn	27/03/2001	6.0	5.0	6.5	5.0	5.5
16	19001427	Lê Duy Tân	29/05/2001	7.0	6.5	7.0	4.5	6.5
17	19003020	Nguyễn Trường Duy	16/02/2001	6.5	6.5	7.5	3.5	6.0
18	19003040	Chung Đình Vĩnh Khang	21/01/2001	4.5	6.5	3.5	5.5	5.0
19	19004102	Nguyễn Phú Lộc	10/11/2001	5.0	8.5	6.5	3.5	6.0
20	19004185	Trần Võ Tuấn Thành	06/08/2001	6.0	7.0	6.0	3.5	5.5
21	19004229	La Hoàng Tuấn	03/03/2001	5.0	6.0	5.0	3.0	5.0
22	19004233	Nguyễn Thị Cẩm Tuyền	01/10/2001	6.5	6.0	7.0	3.5	6.0
23	19004234	Phạm Kim Tuyền	17/08/2001	5.5	5.5	8.0	3.5	5.5
24	19005040	Trương Thành Kiệt	16/07/2001	6.0	4.0	6.5	4.5	5.5
25	19005108	Cao Thị Hoàng Quyên	27/09/2001	5.0	5.5	5.5	5.0	5.5
26	19005138	Nguyễn Minh Tiến	22/04/2001	3.5	7.0	5.5	3.5	5.0
27	19005164	Bùi Phan Ngọc Dâng Y	13/01/2001	5.0	4.0	7.5	4.0	5.0
28	19008038	Trương Thanh Hậu	14/11/2001	6.5	4.0	4.5	5.0	5.0
29	19008076	Ngô Phước Lợi	16/07/2001	6.0	7.5	6.5	3.5	6.0
30	19008088	Đặng Tuấn Nghĩa	17/04/2001	5.0	4.5	7.0	3.0	5.0
31	19008141	Nguyễn Thanh Tân	22/08/2001	7.0	7.0	7.5	3.0	6.0
32	19010001	Nguyễn Bảo Vân Anh	17/10/2001	6.0	8.0	8.0	4.0	6.5
33	19010003	Võ Bùi Đoàn Phương Anh	09/09/2001	6.5	6.0	7.0	3.5	6.0
34	19010029	Từ Thiện Ngôn	25/02/2001	4.5	8.0	7.5	3.0	6.0
35	19015003	Võ Ngọc Lan Anh	01/07/2001	5.0	5.5	6.0	3.0	5.0



TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
36	19015011	Lý Ngọc Doanh Doanh	15/03/2001	7.0	5.0	8.5	3.0	6.0
37	19015050	Nguyễn Công Tăng Tôn Nữ Yến Nhi	10/02/2001	7.0	3.0	7.5	4.0	5.5
38	19015085	Nguyễn Thị Mai Thư	25/08/2001	6.5	7.0	7.0	3.0	6.0
39	19016004	Nguyễn Hữu Đức	05/09/2001	6.0	6.5	6.5	3.0	5.5
40	20001048	Kiều Hoàng Kha	19/04/2001	6.0	6.0	3.5	4.0	5.0
41	20001052	Nguyễn Vĩnh Khang	03/08/2002	6.0	5.5	6.0	3.5	5.5
42	20001169	Nguyễn Huỳnh Thuận	07/04/2002	5.5	5.0	5.0	4.0	5.0
43	20001182	Nguyễn Thanh Triệu	25/12/2002	6.5	7.5	8.5	3.5	6.5
44	20001265	Phạm Minh Hoàng	22/03/2002	3.0	7.0	4.0	5.0	5.0
45	20001300	Nguyễn Đoàn Nam	29/08/2000	4.5	5.5	7.0	5.5	5.5
46	20001311	Cao Phúc Nguyên	26/10/2002	6.5	6.0	6.5	4.0	6.0
47	20001372	Đoàn Mai Hoàng Trâm	18/04/2002	4.5	5.0	6.5	5.0	5.5
48	20004136	Trần Hồng Nhung	30/09/2002	5.0	7.0	5.5	8.5	6.5
49	20004156	Thạch Trọng Phúc	21/07/2002	3.0	4.0	4.0	8.0	5.0
50	20004173	Bùi Đức Tài	03/11/2002	4.5	5.0	5.5	5.5	5.0
51	20004194	Nguyễn Thanh Thảo	07/07/2002	3.0	6.5	5.5	8.0	6.0
52	20004209	Nguyễn Minh Thuận	21/07/2002	3.0	7.0	5.5	7.5	6.0
53	20004214	Trương Mộc Tiền	16/01/2002	6.5	6.0	3.5	8.5	6.0
54	20004226	Nguyễn Thành Trí	30/04/2002	5.0	6.0	4.5	8.0	6.0
55	20004241	Lê Phạm Thanh Tuấn	03/02/1999	5.0	8.0	5.0	8.0	6.5
56	20005024	Phạm Thị Kim Hoa	22/07/2002	7.5	6.5	4.5	6.5	6.5
57	20005032	Trù Thị Như Huỳnh	25/01/2002	4.0	6.5	4.5	5.5	5.0
58	20005043	Nguyễn Thị Phương Linh	25/03/2002	4.5	6.5	5.0	7.5	6.0
59	20005052	Trần Kim Ngân	26/12/2002	4.0	6.0	6.5	5.0	5.5
60	20005066	Nguyễn Thị Yến Như	05/01/2002	7.0	5.5	3.5	7.0	6.0
61	20005076	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	01/06/2002	7.0	6.0	5.0	5.5	6.0
62	20005125	Nguyễn Thị Tường Vi	09/04/2002	6.0	6.5	6.5	4.5	6.0
63	20008087	Nguyễn Minh Thành	11/09/2002	4.5	7.5	4.5	7.0	6.0
64	20008174	Nguyễn Văn Minh Phụng	05/12/2002	7.0	4.0	5.0	3.5	5.0
65	20008191	Dư Phát Tiến	18/11/2002	5.5	8.0	5.5	5.0	6.0
66	20017029	Phạm Thị Ngọc Diễm	31/12/2002	6.0	6.5	4.5	5.5	5.5
67	20017040	Lê Hoàng Ngọc Hân	31/03/2002	6.5	4.5	5.5	5.0	5.5
68	20017051	Tô Thị Tú Hào	25/07/2002	7.0	3.5	7.5	5.5	6.0
69	20017052	Nguyễn Việt Hậu	09/11/2002	7.5	7.0	6.5	5.5	6.5
70	20017074	Nguyễn Yến Khoa	09/04/2002	7.5	4.5	5.5	5.0	5.5
71	20017075	Võ Thị Thiên Kim	21/01/2002	8.0	4.0	3.5	4.0	5.0
72	20017079	Nguyễn Thị Trúc Linh	03/08/2002	5.0	7.0	6.0	6.5	6.0
73	20017177	Nguyễn Ngọc Chiêu Thư	18/10/2002	5.0	7.0	4.5	7.0	6.0



TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
74	20017195	Võ Trần Mai Trang	19/02/2002	5.0	7.5	5.5	8.0	6.5
75	20017204	Nguyễn Thị Thanh Trúc	19/8/2002	6.0	6.5	5.5	5.0	6.0
76	20017209	Lê Thị Mộng Tuyền	02/05/2002	5.5	6.0	6.0	5.0	5.5
77	20019096	Trương Hoàng Vinh	30/11/2002	7.0	3.0	5.5	3.5	5.0
78	21001303	Nguyễn Đoàn Khang	06/08/2003	7.5	6.5	5.5	5.0	6.0
79	21003002	Nguyễn Minh Nhựt	02/06/2001	4.5	6.5	6.5	4.0	5.5
80	21005101	Đặng Thị Ngọc Phần	20/08/2003	8.5	4.0	4.5	4.0	5.5
81	21010100	Mai Văn Thảo Hiền	04/02/2003	5.0	7.5	6.5	7.0	6.5
82	21017223	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	01/11/2003	7.0	5.5	7.5	5.0	6.5
83	21017235	Nguyễn Thị Huyền Trân	04/03/2003	4.0	6.5	7.0	3.0	5.0
84	22005095	Nguyễn Phan Thế Anh	07/7/2004	7.0	4.0	9.0	5.5	6.5
85	22017134	Trương Mộc Đô	29/8/2004	6.5	4.5	3.5	4.5	5.0
86	19001364	Trần Ngọc Minh	23/06/2001	6.5	5.0	4.5	4.0	5.0
87	19001445	Thạch Huỳnh Thi	4/7/2001	7.0	6.0	4.5	4.5	5.5
88	19001515	Nguyễn Thành Được	29/09/2001	6.0	4.5	6.5	5.0	5.5
89	19001546	Sơn Thị Kim Ly	20/11/2001	7.0	5.0	3.5	4.0	5.0
90	19007006	Võ Văn Khăng	19/12/2001	7.5	4.0	5.0	4.0	5.0
91	19007021	Trương Cẩm Tú	25/02/2001	7.0	4.0	4.0	5.5	5.0
92	20017059	Đào Thanh Hưng	09/10/2002	3.5	7.0	7.5	7.5	6.5
93	20018032	Trần Minh Thư	27/11/2002	7.0	5.0	6.5	3.0	5.5
94	21001309	Võ Đức Tâm	29/05/2003	3.5	7.5	3.5	4.5	5.0
95	22001046	Nguyễn Trần Trọng Luân	19/3/2004	4.5	7.0	4.5	5.5	5.5

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B1

(Kèm theo quyết định số: 40/QĐ-ĐHSPKT-KT ngày 29 tháng 02 năm 2024)

TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
1	19004125	Bùi Hữu Nghĩa	05/12/2001	5.0	8.5	8.5	6.0	7.0
2	19015032	Nguyễn Tấn Lộc	18/12/2000	7.0	8.5	7.5	4.0	7.0
3	20001324	Tổng Khánh Nhiên	13/09/2002	7.0	8.0	8.5	6.5	7.5
4	20004020	Huỳnh Đạt	17/05/2002	7.5	7.0	7.0	7.5	7.5
5	20004108	Nguyễn Yến Ngân	19/07/2002	7.5	8.0	7.5	8.0	8.0
6	20004169	Nguyễn Tú Quyên	25/05/2002	7.5	6.0	6.5	8.0	7.0
7	20004246	Nguyễn Anh Tuyên	24/04/2002	7.0	8.0	8.0	7.0	7.5
8	20004250	Nguyễn Ngọc Tường Vi	19/06/2002	7.0	8.5	7.0	8.0	7.5
9	20005001	Nguyễn Thanh An	03/08/2002	9.0	8.5	5.0	7.5	7.5
10	20005027	Nguyễn Minh Hoài	23/05/2002	7.5	9.0	8.0	8.5	8.5
11	20005038	Đoàn Thị Thùy Linh	24/04/2002	8.5	8.5	6.5	9.0	8.0
12	20005063	Phạm Hồng Nhiên	25/05/2002	8.5	7.0	6.5	8.0	7.5
13	20015010	Võ Thành Đạt	20/12/2002	5.5	9.0	6.5	8.0	7.5
14	20017222	Võ Thị Thanh Xuân	25/01/2001	8.0	8.0	6.5	6.0	7.0
15	20018003	Lê Nguyễn Trâm Anh	16/10/2000	8.5	6.5	8.0	6.5	7.5
16	21001041	Lê Hữu Nhân	02/12/2003	8.0	7.0	9.5	5.0	7.5
17	21001064	Lê Thanh Liêm	11/04/2003	8.0	7.5	9.5	7.0	8.0
18	21001214	Võ Quốc Anh	21/01/2003	7.5	7.5	6.5	7.0	7.0
19	21017054	Nguyễn Thị Hồng Thắm	08/11/2003	8.5	8.5	7.5	7.5	8.0
20	22021030	Trương Thị Kim Trinh	27/10/2004	9.0	8.5	8.5	8.5	8.5

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B2

(Kèm theo quyết định số: 40/QĐ-ĐHSPKT-KT ngày 29 tháng 02 năm 2024)

TT	Số BD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG				Điểm Trung bình
				NGHE	NÓI	ĐỌC	VIẾT	
1	22021004	Nguyễn Thanh Thúy	25/3/2004	9.0	9.0	8.5	8.5	9.0

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi